

Tăng tỷ trọng

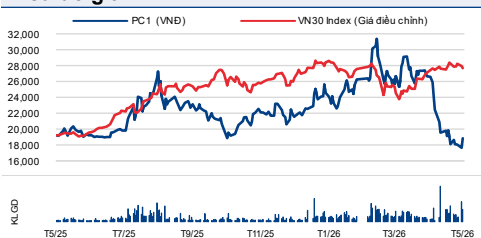
Giá mục tiêu: VNĐ30,000

Tiềm năng tăng/giảm: 57.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/5/2026)	19,000
Mã Bloomberg	PC1 VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,650-31,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,814
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	296
Slg CP lưu hành (tr.đv)	411
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	179
Slg CP NN được mua (tr.đv)	134
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	10.8%
Tỷ lệ freefloat	71.2%
Cổ đông lớn	Trịnh Văn Tuấn (21.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	13,085	15,227	15,770
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,953	2,953	2,954
LNTT (tỷ đồng)	1,559	1,723	1,738
LNT ĐC (tỷ đồng)	937	931	924
FCF (tỷ đồng)	921	34.7	1,224
EPS ĐC (đồng)	2,279	2,262	2,246
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	15,828	18,619	21,159
T.trưởng EBITDA (%)	22.3	0.01	0.03
T.trưởng EPS ĐC (%)	123	(0.72)	(0.72)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	22.6	19.4	18.7
Tỷ suất LNTT (%)	11.9	11.3	11.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.96	6.79	6.51
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	133	115	88.7
ROAE (%)	17.3	14.6	12.5
ROACE (%)	12.7	12.4	12.7
EV/doanh thu (lần)	1.20	1.06	0.96
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.32	5.47	5.11
P/E ĐC (lần)	8.34	8.40	8.46
P/B (lần)	1.20	1.02	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Từ một công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng điện, PC1 đang dần mở rộng sang đầu tư vào các dự án phát điện tái tạo. Ngoài ra, PC1 cũng có một số dự án phát triển bất động sản.

Chuyên viên phân tích

Natalie Nguyễn

Trưởng Phòng, Ngành Năng Lượng
natalie.nguyen@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 110

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q1/2026: Khởi đầu chậm như dự kiến

- PC1 công bố KQKD Q1/2026 muộn hơn thường lệ với doanh thu đạt 2.168 tỷ đồng (tăng 16,5% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 181 tỷ đồng (tăng 227% so với cùng kỳ, hoàn thành 18% dự báo cho cả năm của HSC), chủ yếu nhờ khoản lợi nhuận không thường xuyên từ thoái vốn CT2 (120 tỷ đồng). Lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng 26% so với cùng kỳ đạt 100 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 10% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy nhờ mảng EPC tăng mạnh và ghi nhận doanh thu BĐS, bù đắp cho doanh thu mảng phát điện suy yếu (giảm 6,1% so với cùng kỳ); tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp hợp nhất giảm 3,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ do thủy điện kém tích cực, tỷ suất lợi nhuận mảng EPC giảm và tỷ trọng doanh thu BĐS (có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn) tăng lên.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 vào ngày 20/5

KQKD Q1/2026 đã được PC1 công bố vào ngày 20/5/2026, muộn hơn so với thời hạn thông thường vào giữa tháng 4, sau thông tin khởi tố hình sự đối với Chủ tịch HĐQT và sáu lãnh đạo cấp cao khác.

Trong Q1/2026, doanh thu đạt 2.168 tỷ đồng (tăng 16,5% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 181 tỷ đồng (tăng 227% so với cùng kỳ), hoàn thành 17,5% dự báo cho cả năm của HSC. Tuy nhiên, lợi nhuận chủ yếu được hỗ trợ nhờ khoản lợi nhuận không thường xuyên 120 tỷ đồng từ thoái vốn CTCP Đầu tư BĐS CT2 (trước đây là công ty liên kết do PC1 sở hữu 49% cổ phần). Nếu không tính đến khoản này, lợi nhuận HĐKD cốt lõi ước tính đạt 100 tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ), tương đương 10% dự báo năm 2026 của HSC.

Tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy nhờ mảng EPC tăng mạnh (đạt 957 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ) và ghi nhận doanh thu từ dự án Tháp Vàng (177 tỷ đồng), bù đắp cho doanh thu mảng phát điện suy yếu (giảm 6,1% so với cùng kỳ). Mặc dù doanh thu tăng trưởng tích cực nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp hợp nhất vẫn giảm 3,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ do tỷ suất lợi nhuận suy giảm ở các mảng kinh doanh chính: (1) tỷ suất lợi nhuận gộp mảng phát điện giảm 5,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống mức 58,3% do điều kiện thủy văn kém thuận lợi, (2) tỷ suất lợi nhuận mảng EPC giảm 1,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống mức 5,1%, và (3) tỷ trọng đóng góp từ mảng BĐS có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn (chiếm 8% doanh thu Q1/2026; tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 16,3%) làm suy giảm tỷ suất lợi nhuận chung. Những áp lực này được bù đắp một phần nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện ở mảng sản xuất công nghiệp (tăng 7,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ đạt mức 20%) và khai khoáng (tăng 1,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ đạt mức 37,4%). Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên, bao gồm khoản lợi nhuận từ thoái vốn CT2 (khoảng 96 tỷ đồng) và ảnh hưởng tỷ giá, lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng 26% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, PC1

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với quý trước	So với cùng kỳ	%HSC
Doanh thu	1,860	2,168	-57%	16.5%	14.2%
Giá vốn hàng bán	-1,401	-1,701	-57%	21.4%	
Lợi nhuận gộp	25%	22%	-0.3 pts	-3.1 pts	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	-108	-127	-7%	17.4%	
Chi phí BH&QL	37	184	245%	394.8%	
Thu nhập tài chính	-208	-189	-7%	-9.3%	
Lợi nhuận thuần	55	181	-40%	227.5%	18%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	79	100	-59%	25.9%	10%

Nguồn: HSC

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh (tỷ đồng), PC1

Cơ cấu doanh thu	Q1/25	Q1/26	So với quý trước	So với cùng kỳ
Xây dựng	729.9	956.8	-64.1%	31.1%
Điện	431.2	405.1	-24.5%	-6.1%
Sản xuất công nghiệp	179.6	160.5	-61.7%	-10.7%
Khai khoáng	227.8	242.1	2.2%	6.3%
Khu công nghiệp	132.6	139.0	-12.9%	4.8%
BDS	4.2	181.2	-76.7%	n/m
Thương mại & mảng khác	155.1	83.0	-61.5%	-46.5%
Tổng cộng	1,860.4	2,167.8	-56.7%	16.5%

Nguồn: HSC

Bảng 3: Cơ cấu tỷ suất lợi nhuận gộp, PC1

Tỷ suất lợi nhuận gộp	Q1/25	Q1/26	So với quý trước	So với cùng kỳ
Xây dựng	6.5%	5.1%	-10.8 ppts	-1.4 ppts
Điện	63.5%	58.3%	-5.4 ppts	-5.3 ppts
Sản xuất công nghiệp	12.4%	20.0%	+5.7 ppts	+7.6 ppts
Khai khoáng	35.9%	37.4%	+5.8 ppts	+1.5 ppts
Khu công nghiệp	22.1%	16.8%	-0.3 ppts	-5.3 ppts
BDS	48.9%	16.2%	-2.0 ppts	-32.7 ppts
Thương mại & mảng khác	1.7%	8.7%	-2.9 ppts	+7.0 ppts
Tổng cộng	24.7%	21.6%	-0.3 ppts	-3.1 ppts

Nguồn: HSC

*Ghi chú: mảng BDS bao gồm bán BDS và cho thuê tài sản

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với PC1 trong khi chờ thêm thông tin liên quan đến: (1) việc tái cơ cấu HĐQT tại ĐHCĐ bất thường dự kiến diễn ra vào tháng 7/2026; (2) thông tin rõ ràng hơn về phạm vi điều tra vụ án tham ô và liệu doanh thu dự án hoặc các khoản phải thu khách hàng có liên quan hay không; và (3) quan điểm chính thức của EVN đối với các hợp đồng EPC hiện hữu và trong tương lai của PC1.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	10,089	13,085	15,227	15,770	16,412
Lợi nhuận gộp	2,092	2,719	2,752	2,756	2,953
Chi phí BH&QL	(566)	(661)	(728)	(756)	(780)
Thu nhập khác	19.3	30.8	0	0	0
Chi phí khác	(8.72)	(17.1)	0	0	0
EBIT	1,537	2,071	2,023	2,000	2,173
Lãi vay thuần	(743)	(568)	(400)	(363)	(288)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	45.8	55.6	100	100	100
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	839	1,559	1,723	1,738	1,985
Chi phí thuế TNDN	(129)	(203)	(345)	(348)	(397)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(242)	(315)	(345)	(364)	(369)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	468	1,041	1,034	1,026	1,219
Lợi nhuận thuần ĐC	421	937	931	924	1,097
EBITDA ĐC	2,414	2,953	2,953	2,954	3,159
EPS (đồng)	1,137	2,532	2,514	2,496	2,964
EPS ĐC (đồng)	1,023	2,279	2,262	2,246	2,668
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	411	411	411	411	411
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	411	411	411	411	411
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	411	411	411	411	411

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	2,277	3,811	1,546	2,560	3,299
Đầu tư ngắn hạn	1,017	1,459	1,605	1,766	1,942
Phải thu khách hàng	3,112	4,414	5,223	5,577	5,825
Hàng tồn kho	1,588	1,483	1,818	1,913	1,970
Các tài sản ngắn hạn khác	92.3	130	242	233	251
Tổng tài sản ngắn hạn	8,086	11,299	10,434	12,049	13,287
TSCĐ hữu hình	9,343	9,719	10,283	9,723	9,180
TSCĐ vô hình	1,176	1,123	1,042	936	799
Bất động sản đầu tư	112	93.8	146	146	146
Đầu tư dài hạn	0.82	0.82	4.82	4.82	4.82
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,708	1,781	1,605	1,605	1,605
Tài sản dài hạn khác	561	547	651	682	716
Tổng tài sản dài hạn	12,902	13,264	13,731	13,098	12,451
Tổng cộng tài sản	20,988	24,563	24,164	25,146	25,738
Nợ ngắn hạn	2,950	4,263	4,568	5,519	5,744
Phải trả người bán	1,121	1,804	1,805	1,805	1,805
Nợ ngắn hạn khác	478	636	889	856	894
Tổng nợ ngắn hạn	5,078	7,788	8,406	9,372	9,745
Nợ dài hạn	7,831	7,443	5,331	4,331	3,331
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	305	308	308	308	308
Nợ dài hạn khác	12.5	12.0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	8,148	7,763	5,638	4,638	3,638
Tổng nợ phải trả	13,272	15,685	14,139	14,077	13,430
Vốn chủ sở hữu	5,526	6,510	7,658	8,702	9,940
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,190	2,367	2,367	2,367	2,367
Tổng vốn chủ sở hữu	7,716	8,877	10,025	11,070	12,308
Tổng nợ phải trả và VCSH	20,988	24,563	24,164	25,146	25,738
BVPS (đ)	13,436	15,828	18,619	21,159	24,169
Nợ thuần/(tiền mặt)	8,504	7,894	8,353	7,290	5,776

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,537	2,071	2,023	2,000	2,173
Khấu hao	(878)	(882)	(930)	(954)	(986)
Lãi vay thuần	(743)	(568)	(400)	(363)	(288)
Thuế TNDN đã nộp	(129)	(203)	(345)	(348)	(397)
Thay đổi vốn lưu động	(568)	(82.8)	(777)	(382)	(174)
Khác	117	173	16.3	349	(303)
LCT thuần từ HKKD	1,090	2,273	1,447	1,513	1,996
Đầu tư TS dài hạn	(446)	(1,352)	(1,413)	(289)	(305)
Góp vốn & đầu tư	(1,685)	(597)	(146)	(161)	(177)
Thanh lý	49.1	181	0	0	0
Khác	1,436	294	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(646)	(1,474)	(1,559)	(450)	(482)
Cổ tức trả cho CSH	(203)	(204)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	44.2	105	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(109)	828	(2,154)	(48.8)	(775)
Khác	(1.45)	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(268)	729	(2,154)	(48.8)	(775)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,082	2,277	3,811	1,546	2,560
LCT thuần trong kỳ	175	1,528	(2,266)	1,014	739
Ảnh hưởng của tỷ giá	19.6	6.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,277	3,811	1,546	2,560	3,299
Dòng tiền tự do	643	921	34.7	1,224	1,691

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	20.7	20.8	18.1	17.5	18.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	23.9	22.6	19.4	18.7	19.2
Tỷ suất LNT (%)	4.63	7.96	6.79	6.51	7.43
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	13.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	31.1	29.7	16.4	3.56	4.07
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	33.3	22.3	0.01	0.03	6.91
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	383	123	(0.72)	(0.72)	18.8
Tăng trưởng EPS (%)	1,189	123	(0.72)	(0.72)	18.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	383	123	(0.72)	(0.72)	18.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	8.82	17.3	14.6	12.5	13.1
ROACE (%)	9.82	12.7	12.4	12.7	13.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.49	0.57	0.63	0.64	0.65
Tiền mặt HĐ/EBIT (lần)	0.71	1.10	0.72	0.76	0.92
Số ngày tồn kho	72.5	52.2	53.2	53.7	53.4
Số ngày phải thu	142	155	153	156	158
Số ngày phải trả	51.2	63.5	52.8	50.6	48.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	159	133	115	88.7	62.7
Nợ/tài sản (%)	52.8	50.9	42.7	40.9	37.0
EBIT/lãi vay (lần)	2.07	3.65	5.05	5.52	7.55
Nợ/EBITDA (lần)	4.59	4.23	3.50	3.48	3.02
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.59	1.45	1.24	1.29	1.36
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.62	1.20	1.06	0.96	0.83
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.76	5.32	5.47	5.11	4.30
P/E (lần)	16.7	7.50	7.56	7.61	6.41
P/E ĐC (lần)	18.6	8.34	8.40	8.46	7.12
P/B (lần)	1.41	1.20	1.02	0.90	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn